

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội
Mã số DN: 0100106440

Số: /2019/LICOGI-CBTT

V/v CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất
giữa niên độ (đã được soát xét).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

TỔNG CÔNG
TY
LICOGI -CTCP
P

Digitally signed by T CÔNG CÔNG
TY LICOGI -CTCP
DN: C=VN, SHẢ NỘI, L=Thanh
Xuân, CN=TỔNG CÔNG TY
LICOGI -CTCP,
OID.0.9.2342.1.9200300.100.1.1=
MST:0100106440
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2019-08-31 08:28:11

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542 365
Fax: 043 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính hợp nhất
giữa niên độ (đã được soát xét), cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(Có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày 30/8/2019 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCPSố: ~~574~~.../CV-LICOGIV/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm
2019 BCTC hợp nhất đã soát xétCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2019 đã soát xét như sau:

Nội dung	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Biến động (%)
	(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính	940.872	1.306.077	- 28%
Tổng chi phí	1.009.518	1.291.238	- 22%
Lợi nhuận trước thuế	- 83.145	9.892	- 940%
Thuế TNDN	1.621	3.841	- 58%
Lợi nhuận sau thuế	- 84.766	6.051	-1.501%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2019 giảm 90,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 là do:

- Tổng doanh thu 6 tháng năm 2019 tổng doanh thu giảm 365 tỷ đồng tương ứng 28% trong khi chi phí chỉ giảm 281,7 tỷ đồng tương ứng 22% so với cùng kỳ năm 2018.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VP HĐQT, TCKT

*Phan Thanh Hải*

TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCPSố: **5.25.**/CV-LICOGI

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm
2019 BCTC hợp nhất đã soát xét so với số
liệu trước kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2019 đã soát xét như sau:

STT	Nội dung	Số liệu 6 tháng đầu năm 2019 trước kiểm toán	Số liệu 6 tháng đầu năm 2019 sau kiểm toán	Biến động (%)
		(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ :	925.059	953.294	2,96%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính	915.384	940.871	
	- Thu nhập khác	9.675	12.423	
2	Tổng chi phí	965.386	1.009.518	4,37%
	- Giá vốn	792.071	836.106	
	- Chi phí tài chính	56.270	54.951	
	- Chi phí bán hàng	23.180	23.180	
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	79.122	80.949	
	- Chi phí khác	14.743	14.332	
3	Lợi nhuận trước thuế	(65.841)	(83.144)	-20,81%
4	Thuế TNDN	1.737	1.621	
5	Lợi nhuận sau thuế	(67.578)	(84.766)	-20,28%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2019 đã soát xét giảm 17,188 tỷ đồng là do:

- Do điều chỉnh giảm lợi nhuận tại các công ty con : Cơ khí Đông Anh, Licogi 9, Licogi 10.

- Do điều chỉnh lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng bán niên đã soát xét tăng 1,2 tỷ nguyên nhân do hạch toán bổ sung, doanh thu hoạt động tài chính (thu cổ tức năm 2018 của Công ty Cổ phần đầu tư, xây lắp và VLXD Đông Anh) và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VP HĐQT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Hải

STT	Chi tiêu (VNĐ)	Số liệu 6 tháng đầu năm 2019	Số liệu 6 tháng đầu năm 2018	Đơn vị tính
1	2.300.000	452.294	922.059	Tổng thu nhập sau thuế (tỷ)
2	4.370.000	1.000.018	962.380	- Chi phí thu nhập động sản - Doanh thu doanh nghiệp khác - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý
3	2.070.000	301.020	291.071	- Chi phí tài chính
4	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
5	2.070.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
6	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
7	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
8	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
9	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
10	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
11	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
12	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
13	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
14	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
15	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
16	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
17	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
18	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
19	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập cá nhân
20	2.300.000	700.000	670.909	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số: 576 /CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2019"

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 30/8/2019 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Trên báo cáo tài chính kiểm toán giữa niên độ năm 2019, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

1. Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận một phần doanh thu và giá vốn của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 8,9 tỷ đồng và 7,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 1,6 tỷ đồng.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong 06 tháng năm 2019 tăng lên lần lượt là 1,93 tỷ đồng và 1,36 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ sẽ tăng lên khoảng 0,57 tỷ đồng.

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Trong 06 tháng đầu năm 2018, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trong đó một phần đã được ghi nhận doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2018 sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng. Do vậy, sai sót này làm ảnh hưởng đến số liệu so sánh năm 2018 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty.

2. Tính đến thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 341,34 tỷ đồng. Kiểm toán viên không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả dài hạn khác sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi



phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 19,08 tỷ đồng, nâng tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 30/06/2019 là 360,42 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

3. Tại ngày 31/12/2018 và 30/06/2019, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này.

4. Tại ngày 31/12/2018, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Tại Công ty Licogi 15 nợ phải thu là 84,29 tỷ đồng, Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước nợ phải thu là 6,22 tỷ đồng.

Tại ngày 30/06/2019, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 9, Công ty Cổ phần Licogi 17, Công ty Cổ phần Licogi 10) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2018 và 30/06/2019 sẽ tăng lên 22,4 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 22,4 tỷ đồng.

5. Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 48,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 2 là 13,94 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 15 là 134,14 tỷ đồng ;
- Tại Công ty Lắp máy Điện nước là 14,45 tỷ đồng

6. Kiểm toán viên không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền là 30,31 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2018 Công ty Licogi 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 với số tiền 5,88 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung thì chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" tại thời điểm 01/01/2019 và 30/06/2019 sẽ giảm đi số tiền tương ứng. Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty Cổ phần Licogi 20 tiếp tục không trích khấu hao các tài sản này với số tiền 1,55 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung chi phí khấu hao này thì chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho là 82,26 tỷ đồng.

7. Tại ngày 31/12/2018, Công ty con-Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2019. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi

106440

CÔNG T
GI-CTC

XUÂN-TP

vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Hải



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên	
Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm trưởng ban kiểm soát ngày 21/06/2019
Bà Lê Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Số: 300819.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 29 tháng 08 năm 2019, từ trang 08 đến trang 70, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.004/BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2019 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long và dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận một phần doanh thu và giá vốn của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trước. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 8,9 tỷ đồng và 7,3 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng lên khoảng 1,6 tỷ đồng.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này trong đó có một số lô đất đã được ghi nhận một phần doanh thu từ các kỳ trước. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong 06 tháng năm 2019 tăng lên lần lượt là 1,93 tỷ đồng và 1,36 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ sẽ tăng lên khoảng 0,57 tỷ đồng.

Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng của dự án này trong năm 2018 tăng lên lần lượt là 21,1 tỷ đồng và 14,2 tỷ đồng. Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2018 sẽ tăng lên khoảng 6,9 tỷ đồng. Do vậy, sai sót này làm ảnh hưởng đến số liệu so sánh năm 2018 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty.

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 31/12/2018, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 341,34 tỷ đồng. Kiểm toán viên không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án này với tổng giá trị là 19,08 tỷ đồng, nâng tổng giá trị vốn hóa lãi vay lũy kế của dự án này tính đến 30/06/2019 là 360,42 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16).

Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,49 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả dài hạn khác sẽ giảm 87,49 tỷ đồng.

Dự án khu đô thị mới C5-C8 và C8 mở rộng

Tại ngày 31/12/2018 và 30/06/2019, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này.

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 31/12/2018, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Tại Công ty Licogi 15 nợ phải thu là 84,29 tỷ đồng, tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước nợ phải thu là 6,22 tỷ đồng.

Tại ngày 30/06/2019, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Licogi 9, Công ty Cổ phần Licogi 17, Công ty Cổ phần Licogi 10) chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2018 và 30/06/2019 sẽ tăng lên 22,1 tỷ đồng và 22,8 tỷ đồng. Đồng thời "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong 06 tháng đầu năm sẽ giảm đi 0,69 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 48,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 2 là 13,94 tỷ đồng;
- Tại Công ty Licogi 15 là 134,14 tỷ đồng ;
- Tại Công ty Lắp máy Điện nước là 14,45 tỷ đồng.

Hàng tồn kho và tài sản cố định

Kiểm toán viên không thể thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 20 với số tiền là 30,31 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2018 Công ty Licogi 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 với số tiền 5,88 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung thì chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu" tại thời điểm 01/01/2019 và 30/06/2019 sẽ giảm đi số tiền tương ứng. Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty Cổ phần Licogi 20 tiếp tục không trích khấu hao các tài sản này với số tiền 1,55 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung chi phí khấu hao này thì chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Licogi 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 với tổng giá trị hàng tồn kho là 82,26 tỷ đồng.

Một số sai sót khác

Tại ngày 31/12/2018, Công ty con - Công ty Cổ phần Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty Cổ phần Licogi 15 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2019. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Trong năm 2018, Kiểm toán viên không tiếp cận được với các tài liệu, hồ sơ ghi nhận doanh thu phát sinh tại Công ty Licogi 20 của một số công trình đang được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với số tiền 18,55 tỷ đồng, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các chỉ tiêu doanh thu, công nợ phải thu và các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.507 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là 612,613 tỷ đồng chiếm 68,07% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.104.379.246.560	2.044.410.235.536
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	131.877.772.853	108.777.989.204
111	1. Tiền		96.278.322.224	77.014.593.664
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.599.450.629	31.763.395.540
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	34.587.658.400	20.817.658.400
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		34.587.658.400	20.817.658.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.128.414.837.019	1.168.217.017.599
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	946.515.616.632	1.091.358.112.798
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	84.092.501.848	76.032.850.332
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	13.803.740.010	13.803.740.010
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	429.847.749.097	335.770.091.816
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(345.844.770.568)	(348.747.777.357)
140	IV. Hàng tồn kho	10	782.134.857.686	717.764.836.582
141	1. Hàng tồn kho		793.540.648.776	735.172.438.723
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.405.791.090)	(17.407.602.141)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.364.120.602	28.832.733.751
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	2.673.154.144	5.636.352.596
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		23.519.703.214	22.433.589.673
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	1.171.263.244	762.791.482

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.305.414.006.173	2.383.991.552.128
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		166.239.667.616	166.108.699.108
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	165.000.000.000	165.000.000.000
		8	1.239.667.616	1.108.699.108
220	II. Tài sản cố định			
221	1. Tài sản cố định hữu hình		466.439.035.639	461.660.515.249
222	- Nguyên giá	12	438.893.472.016	434.097.206.422
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		1.553.195.795.513	1.535.428.447.214
227	2. Tài sản cố định vô hình		(1.114.302.323.497)	(1.101.331.240.792)
228	- Nguyên giá	13	27.545.563.623	27.563.308.827
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		29.335.455.521	29.335.455.521
			(1.789.891.898)	(1.772.146.694)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá	14	2.663.302.754	2.663.302.754
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		2.745.140.454	2.745.140.454
			(81.837.700)	(81.837.700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	11	974.124.394.138	1.036.175.743.442
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		951.009.903.648	985.646.601.990
			23.114.490.490	50.529.141.452
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	653.169.207.482	675.729.332.111
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		606.051.368.154	632.973.233.083
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		63.010.545.400	63.010.545.400
			(15.892.706.072)	(20.254.446.372)
260	VI. Tài sản dài hạn khác			
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		42.778.398.544	41.653.959.464
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	41.075.701.649	40.958.846.445
			1.702.696.895	695.113.019
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.409.793.252.733	4.428.401.787.664

011
CƠ
HƯ
IG
A
IV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.039.476.014.862	3.948.646.073.181
310	I. Nợ ngắn hạn		3.611.678.915.397	3.514.938.278.211
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	720.881.364.760	832.622.789.362
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	430.188.959.302	293.138.569.025
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	157.254.975.078	165.788.856.091
314	4. Phải trả người lao động		71.334.173.952	75.671.832.091
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	139.491.139.606	155.136.598.412
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	207.900.858.493	170.941.817.109
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.868.336.293.771	1.813.117.457.758
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	963.453.817	1.398.278.975
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.327.696.618	7.122.079.388
330	II. Nợ dài hạn		427.797.099.465	433.707.794.970
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	2.759.207.641	2.103.806.149
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	321.009.444.791	321.087.610.790
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	96.117.648.538	102.605.579.536
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.141.720.208	2.141.720.208
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	22	5.769.078.287	5.769.078.287
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		370.317.237.871	479.755.714.483
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	370.317.237.871	479.755.714.483
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		10.121.718.651	10.121.718.651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(99.173.978.319)	(99.173.978.319)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		85.677.025.040	75.950.358.181
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.083.295.470	2.083.295.470
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(612.613.766.454)	(505.733.367.514)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(528.945.217.457)	(535.713.192.533)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(83.668.548.997)	29.979.825.019
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		84.222.943.483	96.507.688.014
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.409.793.252.733	4.428.401.787.664



Hương Việt Tâm
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	892.982.448.324	1.226.387.189.309
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	34.214.238	48.304.789
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		892.948.234.086	1.226.338.884.520
11	4. Giá vốn hàng bán	28	836.105.585.440	1.081.454.518.431
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.842.648.646	144.884.366.089
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	47.923.984.122	79.738.462.210
22	7. Chi phí tài chính	30	54.950.858.122	69.386.271.958
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		58.484.950.286	67.925.327.059
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(26.921.864.929)	(12.862.300.524)
25	9. Chi phí bán hàng	31	23.180.042.184	22.366.144.396
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	80.948.968.540	97.435.839.212
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(81.235.101.007)	22.572.272.209
31	12. Thu nhập khác	33	12.422.773.258	7.915.004.710
32	13. Chi phí khác	34	14.332.259.611	20.595.079.371
40	14. Lợi nhuận khác		(1.909.486.353)	(12.680.074.661)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(83.144.587.360)	9.892.197.548
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	2.629.030.816	3.841.156.455
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(1.007.583.876)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(84.766.034.300)</u>	<u>6.051.041.093</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(83.668.548.997)	(8.531.968.844)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(1.097.485.303)	14.583.009.937
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(930)	(95)

Hương Việt Tâm
 Người lập

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Anh Dũng
 Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(83.144.587.360)	9.892.197.548
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.712.831.232	38.477.837.443
03	- Các khoản dự phòng		(13.701.383.298)	(9.774.304.145)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(60.775.811)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.418.748.401)	(67.935.509.742)
06	- Chi phí lãi vay		58.484.950.286	67.925.327.059
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(34.127.713.352)	38.585.548.163
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		83.432.058.018	126.072.449.453
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(23.731.511.711)	(115.517.723.993)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		46.978.708.817	(128.110.389.220)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước			
14	- Tiền lãi vay đã trả		2.846.343.248	2.421.244.681
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(67.597.480.617)	(78.794.607.320)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(3.887.048.297)	(12.886.892.071)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	1.265.756.457
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.173.477.220) (3.260.121.114)	(15.136.681.673) (182.101.295.523)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.734.724.079)	(22.839.595.162)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		257.272.727	2.306.745.193
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.100.000.000)	(48.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		330.000.000	67.650.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(28.328.596.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.876.451.100	80.214.622.843
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.371.000.252)	50.403.176.874
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.189.139.584.233	1.155.262.294.361
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.140.408.679.218)	(1.005.064.030.771)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(10.535.607.583)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		48.730.905.015	139.662.656.007

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân
Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		23.099.783.649	7.964.537.358
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		108.777.989.204	147.359.473.718
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>131.877.772.853</u>	<u>155.324.011.076</u>



Hoàng Việt Toàn
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buru điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Các hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh thường kéo dài dưới 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đông Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	Hà Nội	89,82%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

Công ty con cấp 2- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đông Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2019 bao gồm:

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long (*)	Bình Phước	20,40%	40,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
<i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Hung Yên	23,63%	45,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
<i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>				

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
<i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)</i>				
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
<i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)</i>				

(*) Công ty Bình Long tạm dừng được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty do Công ty Licogi 9 đồng ý giao khoản phân vốn góp của mình tại Công ty Bình Long để Công ty Bình Long quản lý và sản xuất kinh doanh với giá trị giao khoản là 3.000.000.000 đồng mỗi năm trong thời hạn từ 01/01/2018 đến ngày 31/12/2022.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu trên báo cáo tài chính năm 2018.

Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty - Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Tại ngày 30/06/2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.507 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là 612,613 tỷ đồng chiếm 68,07% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng công trình chưa hoàn thành.
- Đối với sản xuất sản phẩm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	
- Máy móc, thiết bị	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý và tài sản cố định vô hình khác	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí các công trình xây dựng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cụ thể:

- Đối với sản phẩm đúc, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.
- Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành, bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể và từ 1% đến 4% doanh thu cho một số công trình có tính chất đặc thù.
- Đối với sản phẩm công trình lắp nhôm, kính, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,41% và 0,5% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Tổng Công ty và theo các quy định hiện hành.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

0011
CƠ
CH
Y K
A
V KIE

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

- Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
 - Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.709.140.774	11.254.299.017
Các khoản tương đương tiền	84.569.181.450	65.760.294.647
	35.599.450.629	31.763.395.540
	<u>131.877.772.853</u>	<u>108.777.989.204</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn	VND	VND	VND	VND
	34.587.658.400	34.587.658.400	20.817.658.400	20.817.658.400
	<u>34.587.658.400</u>	<u>34.587.658.400</u>	<u>20.817.658.400</u>	<u>20.817.658.400</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2019			01/01/2019		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	393.659.543.733		416.404.807.170
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	89.564.647.553	26,42%	84.049.262.008
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long (*)	Bình Phước	40,00%	40,00%	2.042.218.386	22,62%	2.022.655.496
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	15.971.698.704	40,00%	15.971.698.704
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Hưng Yên	23,63%	45,58%	281.119.616.865	44,11%	308.896.441.376
				4.961.362.225	45,58%	5.464.749.586
Đầu tư vào công ty liên doanh						
- Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	212.391.824.421		216.568.425.913
- Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam (**)	Hà Nam	48,48%	48,48%	212.391.824.421	37,41%	216.568.425.913
				606.051.368.154		632.973.233.083

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 41.

(*) Theo hợp đồng giao khoán ký kết giữa Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Công ty Licogi 9) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long (Công ty Bình Long). Công ty Licogi 9 đồng ý giao khoán phần vốn góp của mình tại Công ty Bình Long quản lý và sản xuất kinh doanh với giá trị giao khoán là 3.000.000.000 đồng mỗi năm trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2022. Do vậy Công ty Bình Long tạm dừng được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(**) Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam đã ngừng hoạt động nên giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào công ty này được Tổng Công ty xác định bằng 0.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã CK	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Công ty Cổ phần Licogi 12	7.895.068.192	3.759.210.000	7.895.068.192	2.386.800.000
- Công ty Cổ phần Licogi 13	25.001.671.600	13.587.865.000	25.001.671.600	10.598.534.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	10.530.000.000	13.365.000.000	10.530.000.000	14.580.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	13.753.805.608	(*)	13.753.805.608	(*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	780.000.000	1.860.000.000	780.000.000	930.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin - Licogi	1.000.000.000	(*)	1.000.000.000	(*)
- Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(*)	300.000.000	(*)
- Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên	3.750.000.000	(*)	3.750.000.000	(*)
	63.010.545.400	32.572.075.000	63.010.545.400	28.495.334.700
		(15.892.706.072)		(20.254.446.372)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của các cổ phiếu này tại thời điểm 01/01/2019 và 30/06/2019.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
BQLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	19.056.893.000	-	18.911.229.000	-
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1 Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	62.972.912.255	-	70.463.462.337	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	90.828.347.455	-	106.894.875.842	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	(15.662.726.396)	15.682.331.835	(15.662.726.396)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.372.632.461	(12.372.632.461)	12.372.632.461	(12.372.632.461)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	5.857.358.451	-	8.266.093.861	-
Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11.557.564.409	(11.557.564.409)	11.557.564.409	(11.557.564.409)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	5.842.915.873	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	10.451.306.234	(1.486.008.779)	10.847.896.484	(1.486.008.779)
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	111.631.619.069	-	191.952.299.921	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Khai thác mỏ Tân Việt Bắc	9.554.256.901	-	12.398.365.185	-
Phải thu khách hàng khác	575.308.405.162	(78.683.597.538)	604.906.850.751	(78.968.243.251)
	946.515.616.632	(141.024.124.422)	1.091.358.112.798	(141.308.770.135)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	15.370.436.852	-	5.802.304.866	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)



TÔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cơ khí XL & TM Hải Thanh	-	-	4.402.202.184	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	4.849.427.733	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	79.243.074.115	(12.193.921.779)	71.630.648.148	(12.193.921.779)
	84.092.501.848	(12.193.921.779)	76.032.850.332	(12.193.921.779)
b) Dài hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (1)	165.000.000.000	-	165.000.000.000	-
	165.000.000.000	-	165.000.000.000	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	3.695.789.577	-	3.695.789.577	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

(1) Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	13.803.740.010	-	13.803.740.010	-
	13.803.740.010	-	13.803.740.010	-
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	13.803.740.010	-	13.803.740.010	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	4.546.324.785	(3.624.299.293)	4.546.324.785	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	45.932.043.199	-	2.207.520.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	512.971.182	-	884.142.754	-
Phải thu người lao động	4.218.583.856	-	3.670.823.407	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	513.401.257	-	3.710.096	-
Tạm ứng	122.588.192.500	(35.518.292.037)		
Ký cược, ký quỹ	15.147.636.091	-	121.739.598.926	(37.550.487.315)
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	56.461.671.870	(54.986.617.577)	8.588.864.270	-
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	27.423.400.314	(27.423.400.314)	56.934.490.382	(54.986.617.577)
Phải thu BĐH Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	27.423.400.314	(27.423.400.314)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(5.886.042.000)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	17.241.013.260	(5.472.303.979)	6.079.942.000	(5.878.768.023)
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	3.582.374.751	-	18.241.013.260	(5.472.303.979)
Phải thu khác	100.106.790.083	(34.222.365.218)	7.282.374.751	-
	429.847.749.097	(192.626.724.367)	335.770.091.816	(195.245.085.443)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.239.667.616	-	1.108.699.108	-
	1.239.667.616	-	1.108.699.108	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	4.337.712.912	-	4.579.718.912	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(1) Khoản mục này là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(2) Khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án KĐT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty mới bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 và số trích lập lũy kế đến 30/06/2019 là 5,5 tỷ đồng.

(3) Dự án Khu đô thị mới Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Công ty Licogi 2 thực hiện và đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Thành với số tiền được xác định là 46.872.815.615 đồng và sẽ được thanh toán khi Tổng Công ty bàn giao toàn bộ các hồ sơ liên quan đến dự án và đối chiếu kinh phí đã đầu tư vào dự án. Giá trị còn phải thu hồi tính đến thời điểm 30/06/2019 là 3.582.374.751 đồng.

9 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	-	15.662.726.396	-
- Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí Việt Nam	12.372.632.461	-	12.372.632.461	-
- Ban điều hành công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	17.241.013.260	11.768.709.281	18.241.013.260	12.768.709.281
- Phải thu BQL Dự án KĐT Thịnh Liệt	56.461.671.870	1.475.054.293	56.934.490.382	1.947.872.805
- Các khoản khác	217.581.346.351	6.985.854.984	231.610.204.010	18.111.705.854
	366.074.389.126	20.229.618.558	381.576.065.297	32.828.287.940

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	20.499.507.879	-	17.095.699.842	-
Nguyên liệu, vật liệu	87.960.836.409	(3.163.038.840)	109.106.781.367	(3.358.256.805)
Công cụ, dụng cụ	6.611.889.158	-	6.563.868.501	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	594.126.125.208	(7.659.578.985)	519.039.427.555	(13.466.172.071)
Thành phẩm	81.791.294.473	(583.173.265)	81.971.181.875	(583.173.265)
Hàng hoá	2.550.995.649	-	1.395.479.583	-
	793.540.648.776	(11.405.791.090)	735.172.438.723	(17.407.602.141)

(*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang hoặc chi phí của các sản phẩm dở dang. Chi tiết như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự án KĐTM C5	11.230.909.091	11.230.909.091
Dự án KĐTM Đồi T5	73.012.807.994	60.684.240.325
Dự án KĐTM Nam Ga Hạ Long	75.679.609.591	73.594.050.240
Dự án 423 Minh Khai	2.158.762.956	2.158.762.956
Công trình Thủy điện ĐăkĐrinh	12.622.158.057	28.390.205.657
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	25.232.122.536
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	12.783.441.365	12.775.661.365
Công trình Thủy điện Đakre	30.190.535.681	21.150.566.914
Các công trình và sản phẩm dở dang khác	351.215.777.937	283.822.908.471
	594.126.125.208	519.039.427.555

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng Công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (1)	946.420.332.334	946.420.332.334	981.057.030.676	981.057.030.676
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 (2)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	951.009.903.648	951.009.903.648	985.646.601.990	985.646.601.990

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	19.114.485.509	50.529.141.452
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (3)	9.671.801.536	9.671.801.536
- Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (4)	7.084.709.941	7.084.709.941
- Dự án mỏ đá Cà Ty	-	10.673.582.161
- Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy nhôm Đông Anh	525.721.714	20.876.736.542
- Chi phí xây dựng dở dang khác	1.832.252.318	2.222.311.272
Mua sắm tài sản cố định	4.000.004.981	-
- Máy đào bánh xích hiệu KOMATSU PC850 - 8	4.000.004.981	-
	23.114.490.490	50.529.141.452

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

- (1) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m² có chức năng chính là các khu ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở: thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.
- Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.
- Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:
- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.
 - Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại.
- Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.
- (2) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng Công ty - Công ty mẹ đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới là Công ty TNHH Thanh Bình (Thuyết minh số 21).
- (3) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.
- Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.
- Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.
- Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.
- (4) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY LIGI - CTP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	250.217.421.911	1.066.853.901.198		210.030.407.126		6.952.258.761		1.374.458.218			
- Mua trong kỳ	-	2.960.090.909		1.981.058.181		-		-			
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.871.577.724	15.363.022.125		-		-		-			
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.439.863.114)		(7.968.537.526)		-		-			
Số dư cuối kỳ	268.088.999.635	1.072.737.151.118		204.042.927.781		6.952.258.761		1.374.458.218			1.535.428.447.214
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	154.768.693.308	766.048.500.395		172.459.625.987		6.679.962.884		1.101.331.240.792			
- Khấu hao trong kỳ	5.006.309.434	22.642.267.981		4.846.177.603		200.331.010		-			
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.189.552.640)		(7.534.450.683)		-		-			
Số dư cuối kỳ	159.775.002.742	776.501.215.736		169.771.352.907		6.880.293.894		1.114.302.323.497			438.893.472.016
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	95.448.728.603	300.805.400.803		37.570.781.139		272.295.877		-			
Tại ngày cuối kỳ	108.313.996.893	296.235.935.382		34.271.574.874		71.964.867		434.097.206.422			
<i>Trong đó:</i>											
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 315.673.588.638 đồng.											
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 612.065.242.074 đồng.											



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	28.583.669.806	221.785.715	530.000.000	29.335.455.521
Số dư cuối kỳ	<u>28.583.669.806</u>	<u>221.785.715</u>	<u>530.000.000</u>	<u>29.335.455.521</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.031.164.800	210.981.894	530.000.000	1.772.146.694
- Khấu hao trong kỳ	9.070.200	8.675.004	-	17.745.204
Số dư cuối kỳ	<u>1.040.235.000</u>	<u>219.656.898</u>	<u>530.000.000</u>	<u>1.789.891.898</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	27.552.505.006	10.803.821	-	27.563.308.827
Tại ngày cuối kỳ	<u>27.543.434.806</u>	<u>2.128.817</u>	<u>-</u>	<u>27.545.563.623</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.580.011.636 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 138.385.715 đồng.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với Nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty dùng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	518.797.281	2.722.593.677
Chi phí đi vay	326.313.476	326.313.476
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.828.043.387	2.587.445.443
	<u>2.673.154.144</u>	<u>5.636.352.596</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	10.672.285.266	18.986.384.429
Tiền thuê đất trả trước	4.666.691.770	4.721.917.094
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.904.971.497	6.178.137.763
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.831.753.116	11.072.407.159
	<u>41.075.701.649</u>	<u>40.958.846.445</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Licogi 13	97.675.614.072	97.675.614.072	84.778.239.701	84.778.239.701
Công ty Cổ phần Licogi 16	41.244.903.354	41.244.903.354	44.518.436.687	44.518.436.687
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	25.403.729.985	25.403.729.985	25.403.729.985	25.403.729.985
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	23.268.242.113	23.268.242.113	22.943.507.113	22.943.507.113
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải	11.537.132.517	11.537.132.517	69.338.988.325	69.338.988.325
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	17.200.052.752	17.200.052.752	17.118.834.082	17.118.834.082
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	11.295.665.990	11.295.665.990	11.795.665.990	11.795.665.990
Công ty TNHH 25/10	3.207.109.606	3.207.109.606	8.838.589.306	8.838.589.306
Phải trả các đối tượng khác	486.811.962.761	486.811.962.761	544.649.846.563	544.649.846.563
	720.881.364.760	720.881.364.760	832.622.789.362	832.622.789.362
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	1.432.899.716	1.432.899.716	1.432.899.716	1.432.899.716

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

TÔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	114.736.720.361	102.531.562.500
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình và Dự án Bình Giang	25.972.458.700	25.972.785.973
Khách hàng dự án đồi T5	67.562.290.343	18.793.405.120
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (*)	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	2.607.425.713	6.035.933.373
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2	17.656.244.348	-
Công ty TNHH METROPOLIS Hà Nội	11.106.095.488	-
Công ty Cổ Phần phát triển Thành Phố Xanh	16.437.198.018	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển đô thị Gia Lâm	15.537.939.419	-
CTCPĐT & XD 18 - đập tràn xả lũ - TĐ Bắc Hà	4.712.927.087	-
Công ty CP Dịch Vụ Tây Yên Tử- CT cầu Tây Yên Tử	3.952.114.389	-
Công ty Cổ phần SONADEZI Châu Đức	7.936.746.462	-
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	9.431.631.744	-
Các đối tượng khác	101.832.043.690	109.097.758.519
	<u>430.188.959.302</u>	<u>293.138.569.025</u>

(*) Thông tin liên quan đến nội dung của khoản công nợ này được trình bày ở thuyết minh số 38- "Kiện tụng, tranh chấp pháp lý"

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	362.260.794	66.537.316.402	38.138.242.181	40.357.095.413	1.052.545.570	65.008.747.946
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	488.448.487	488.448.487	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	11.538.584.967	2.629.030.816	3.887.048.297	6.656.709	10.287.224.195
Thuế Thu nhập cá nhân	21.149.099	2.163.837.613	1.053.826.936	1.905.493.322	23.266.516	1.314.288.644
Thuế Tài nguyên	-	1.768.219.423	1.586.913.940	682.233.920	-	2.672.899.443
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	2.109.450.165	3.035.842.235	3.178.208.609	84.933.327	2.052.017.118
Thuế bảo vệ môi trường	-	108.534.200	261.149.260	309.832.460	-	59.851.000
Các loại thuế khác	-	-	44.666.550	44.666.550	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	379.381.589	81.562.913.321	3.287.687.443	8.615.133.565	3.861.122	75.859.946.732
	762.791.482	165.788.856.091	50.525.807.848	59.468.160.623	1.171.263.244	157.254.975.078

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	51.736.869.171	67.404.674.915
- Chi phí phải trả các công trình xây dựng lớn	-	64.596.027.740
+ Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh)	6.519.837.262	7.531.367.262
+ Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	4.199.894.211	4.199.894.211
+ Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	3.173.671.294	3.173.671.294
+ Dự án 20 Cộng hòa Hồ Chí Minh	6.823.705.099	6.823.705.099
+ Công trình thủy điện Đăkđrinh	16.072.791.214	16.072.791.214
+ Công trình Tây Yên Tử	8.346.989.286	-
+ Công trình thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	15.822.783.409	23.135.895.757
	139.491.139.606	155.136.598.412

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước xuất khẩu lao động	2.759.207.641	2.103.806.149
	2.759.207.641	2.103.806.149

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	-
- Kinh phí công đoàn	6.022.706.833	5.276.668.688
- Bảo hiểm xã hội	45.274.999.572	43.524.574.949
- Bảo hiểm y tế	1.546.305.186	1.376.694.938
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.140.751.229	852.081.431
- Phải trả về cổ phần hoá	14.342.501.730	14.342.961.818
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
- Phải trả lãi vay	6.555.275.413	-
- Công ty TNHH Thanh Bình (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	130.449.604.105	103.018.835.285
	207.900.858.493	170.941.817.109
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	951.834.001	1.030.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (2)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (3)	87.498.564.715	87.498.564.715
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (4)	165.000.000.000	165.000.000.000
- Phải trả ông Nguyễn Đức Miêng	4.989.966.817	4.989.966.817
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.569.079.258	2.569.079.258
	321.009.444.791	321.087.610.790
c) Phải trả khác là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	60.000.000.000	60.000.000.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

- (1) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 với Tổng Công ty (đang được trình bày ở Thuyết minh số 11).
- (2) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.
- (3) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMTV Thịnh Liệt với tổng số tiền là 90,6 tỷ đồng trong đó đã thanh toán 3,2 tỷ đồng, phần còn lại được ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác là 87,498 tỷ đồng.
- (4) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	963.453.817	1.398.278.975
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	589.796.733	677.419.379
	373.657.084	720.859.596
	<u><u>963.453.817</u></u>	<u><u>1.398.278.975</u></u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.769.078.287	5.769.078.287
	<u><u>5.769.078.287</u></u>	<u><u>5.769.078.287</u></u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

23 . VAY

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	1.530.224.452.667	1.530.224.452.667	1.171.639.907.850	992.496.341.967	1.709.368.018.550	1.709.368.018.550
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	832.720.050.122	832.720.050.122	544.256.031.894	382.384.117.101	994.591.964.915	994.591.964.915
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	31.388.126.632	31.388.126.632	107.459.097.754	61.351.098.410	77.496.125.976	77.496.125.976
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	344.970.460.785	344.970.460.785	358.452.339.593	405.379.676.385	298.043.123.993	298.043.123.993
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	82.708.466.698	82.708.466.698	61.783.301.398	64.620.079.717	79.871.688.379	79.871.688.379
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	24.045.031.825	24.045.031.825	19.498.764.307	15.163.000.000	28.380.796.132	28.380.796.132
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	40.395.190.862	40.395.190.862	46.297.289.759	36.208.324.194	50.484.156.427	50.484.156.427
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	29.966.935.866	29.966.935.866	27.043.683.590	18.676.584.844	38.334.034.612	38.334.034.612
- Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	48.206.504.966	48.206.504.966	-	-	48.206.504.966	48.206.504.966
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	35.980.274.369	35.980.274.369	709.687.452	842.000.000	35.847.961.821	35.847.961.821
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	52.959.025.596	52.959.025.596	2.519.290.026	7.556.820.415	47.921.495.207	47.921.495.207
	6.884.384.946	6.884.384.946	3.620.422.077	314.640.901	10.190.166.122	10.190.166.122

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

23 . VAY

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	282.893.005.091 261.096.902.302	282.893.005.091 261.096.902.302	18.073.911.998 6.941.807.196	141.998.641.868 129.129.619.824	158.968.275.221 138.909.089.674	158.968.275.221 138.909.089.674
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1.960.000.000	1.960.000.000	980.000.000	980.000.000	1.960.000.000	1.960.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	3.977.829.332	3.977.829.332	5.586.880.383	3.497.052.371	6.067.657.344	6.067.657.344
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	4.115.200.000	4.115.200.000	1.002.600.000	2.034.400.000	3.083.400.000	3.083.400.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	3.788.076.000	3.788.076.000	-	1.800.000.000	1.988.076.000	1.988.076.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	2.554.997.457	2.554.997.457	3.562.624.419	4.557.569.673	1.560.052.203	1.560.052.203
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	5.400.000.000	5.400.000.000	-	-	5.400.000.000	5.400.000.000
	1.813.117.457.758	1.813.117.457.758	1.189.713.819.848	1.134.494.983.835	1.868.336.293.771	1.868.336.293.771

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

23 . VAY

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	284.467.811.814	284.467.811.814	-	129.129.619.824	155.338.191.990	155.338.191.990
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	4.163.107.548	4.163.107.548	-	1.180.815.000	2.982.292.548	2.982.292.548
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	24.095.767.081	24.095.767.081	5.586.880.383	8.709.932.754	20.972.714.710	20.972.714.710
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	8.614.600.000	8.614.600.000	-	2.034.400.000	6.580.200.000	6.580.200.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	7.368.593.288	7.368.593.288	-	1.800.000.000	5.568.593.288	5.568.593.288
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	12.139.071.796	12.139.071.796	10.000.000.000	4.557.569.673	17.581.502.123	17.581.502.123
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	29.642.633.100	29.642.633.100	1.912.796.000	500.000.000	31.055.429.100	31.055.429.100
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	15.007.000.000	15.007.000.000	-	-	15.007.000.000	15.007.000.000
	385.498.584.627	385.498.584.627	17.499.676.383	147.912.337.251	255.085.923.759	255.085.923.759
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(282.893.005.091)	(282.893.005.091)	(18.073.911.998)	(141.998.641.868)	(158.968.275.221)	(158.968.275.221)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	102.605.579.536	102.605.579.536			96.117.648.538	96.117.648.538

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn xem tại phụ lục số 01 và phụ lục số 02

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(98.765.815.809)	67.747.616.740	2.083.295.470	(533.698.205.248)	89.167.161.583	436.655.771.387
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(8.531.968.844)	14.583.009.937	6.051.041.093
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.202.741.441	-	(11.635.755.783)	(11.972.191.763)	(15.405.206.105)
Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	-	(148.428.000)	(148.428.000)
Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	(770.826.394)	(2.136.145.264)	(2.906.971.658)
Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.948.328.451	-	(7.948.328.451)	(6.780.600.000)	(6.780.600.000)
Công ty Licogi 9	-	-	-	254.412.990	-	(616.600.938)	(2.811.018.499)	(3.173.206.447)
Công ty tư vấn Licogi	-	-	-	-	-	-	(96.000.000)	(96.000.000)
Công ty Licogi 2	-	-	-	-	-	(2.300.000.000)	-	(2.300.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	716.528.226	688.429.081	1.404.957.307
Số dư cuối kỳ trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(98.765.815.809)	75.950.358.181	2.083.295.470	(553.149.401.649)	92.466.408.838	428.706.563.682
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	75.950.358.181	2.083.295.470	(505.733.367.514)	96.507.688.014	479.755.714.483
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(83.668.548.997)	(1.097.485.303)	(84.766.034.300)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.726.666.859	-	(23.211.910.052)	(11.187.200.119)	(24.672.443.312)
Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	9.708.020.659	-	(20.660.976.418)	(7.277.980.067)	(18.230.935.826)
Công ty Licogi 9	-	-	-	-	-	(328.156.772)	(2.778.321.879)	(3.106.478.651)
Công ty tư vấn Licogi	-	-	-	18.646.200	-	(42.465.756)	(111.879.704)	(135.699.260)
Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	(177.151.423)	(1.016.703.315)	(1.193.854.738)
Công ty Licogi 2	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	(3.139.683)	(2.315.154)	(5.474.837)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	60.109	(59.109)	1.000
Số dư cuối kỳ này	900.000.000.000	10.121.718.651	(99.173.978.319)	85.677.025.040	2.083.295.470	(612.613.766.454)	84.222.943.483	370.317.237.871

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	VND
- Vốn góp đầu kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	85.677.025.040	75.950.358.181
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.083.295.470	2.083.295.470
	87.760.320.510	78.033.653.651

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2019	01/01/2019
- Đồng Yên Nhật (JPY)	161.278,00	341,99
- Đồng đô la Mỹ (USD)	405.314,83	-

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	712.797.655.417	606.014.806.649
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.565.372.098	13.488.086.732
Doanh thu hợp đồng xây dựng	166.392.574.329	533.096.883.731
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	5.112.541.115	41.129.430.898
Doanh thu hoạt động khác	2.114.305.365	32.657.981.299
	892.982.448.324	1.226.387.189.309
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	-	1.649.366.364

27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	4.744.500
Hàng bán bị trả lại	16.166.138	43.560.289
Giảm giá hàng bán	18.048.100	-
	34.214.238	48.304.789

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng đã bán	675.945.476.041	537.884.245.756
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.025.994.685	10.329.214.940
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	158.036.029.754	480.453.975.682
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	2.784.025.011	28.497.071.375
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.001.811.051)	(2.644.582.800)
Giá vốn của hoạt động khác	315.871.000	26.934.593.478
	836.105.585.440	1.081.454.518.431

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.297.759.528	1.567.225.792
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.932.043.199	77.931.288.542
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.237.584	239.947.876
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	60.775.811	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	621.168.000	-
	47.923.984.122	79.738.462.210

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	58.484.950.286	67.925.327.059
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	383.851.497	675.962.772
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.810.510	88.887.527
Dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư	(4.361.740.300)	696.094.600
Chi phí tài chính khác	428.986.129	-
	<u>54.950.858.122</u>	<u>69.386.271.958</u>

31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.809.787.223	1.071.324.131
Chi phí nhân công	9.720.013.569	7.960.343.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.395.762	347.726.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.719.437.546	5.810.378.316
Chi phí khác bằng tiền	8.186.688.852	7.287.753.428
Chi phí bảo hành	221.719.232	718.210.693
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	(829.592.202)
	<u>23.180.042.184</u>	<u>22.366.144.396</u>

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.569.195.555	4.507.222.497
Chi phí nhân công	47.426.069.403	56.002.271.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.968.294.906	5.789.944.602
Hoàn nhập dự phòng	(2.903.006.789)	(1.479.613.173)
Chi phí khác bằng tiền	27.888.415.465	32.616.013.727
	<u>80.948.968.540</u>	<u>97.435.839.212</u>

33 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.361.121.077	1.299.295.932
Tiền phạt thu được	51.871.083	623.774.000
Dự phòng bảo hành công trình	49.720.164	11.675.786
Lãi trả chậm thu được	-	6.398.204
Thu nhập khác	3.960.060.934	5.973.860.788
	<u>12.422.773.258</u>	<u>7.915.004.710</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**34 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	250.310.474	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng hoạt động	9.585.917.607	8.860.355.812
Các khoản bị phạt	2.841.647.302	10.927.830.536
Chi phí khác	1.654.384.228	806.893.023
	<u>14.332.259.611</u>	<u>20.595.079.371</u>

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	-	1.988.014.268
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	1.335.063.105	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	5.730.122	13.072.105
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	-	233.789.686
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	1.287.852.301	1.596.600.210
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi	385.288	9.680.186
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.629.030.816</u>	<u>3.841.156.455</u>

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế	(83.668.548.997)	(8.531.968.844)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(83.668.548.997)	(8.531.968.844)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(930)</u>	<u>(95)</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.877.772.853	-	108.777.989.204	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.377.603.033.345	(333.650.848.789)	1.428.236.903.722	(336.553.855.578)
Các khoản cho vay	48.391.398.410	-	34.621.398.410	-
Đầu tư dài hạn	44.206.739.792	(15.549.664.792)	44.206.739.792	(19.911.405.092)
	<u>1.602.078.944.400</u>	<u>(349.200.513.581)</u>	<u>1.615.843.031.128</u>	<u>(356.465.260.670)</u>

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ

Phải trả người bán, phải trả khác

Chi phí phải trả

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Vay và nợ	1.964.453.942.309	1.915.723.037.294
Phải trả người bán, phải trả khác	1.249.791.668.044	1.324.652.217.261
Chi phí phải trả	139.491.139.606	155.136.598.412
	<u>3.353.736.749.959</u>	<u>3.395.511.852.967</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Đầu tư dài hạn	-	28.657.075.000	-	28.657.075.000
	<u>-</u>	<u>28.657.075.000</u>	<u>-</u>	<u>28.657.075.000</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	24.295.334.700	-	24.295.334.700
	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.877.772.853	-	-	131.877.772.853
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.042.712.516.940	1.239.667.616	-	1.043.952.184.556
Các khoản cho vay	48.391.398.410	-	-	48.391.398.410
	<u>1.222.981.688.203</u>	<u>1.239.667.616</u>	<u>-</u>	<u>1.224.221.355.819</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.777.989.204	-	-	108.777.989.204
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.090.574.349.036	1.108.699.108	-	1.091.683.048.144
Các khoản cho vay	34.621.398.410	-	-	34.621.398.410
	<u>1.233.973.736.650</u>	<u>1.108.699.108</u>	<u>-</u>	<u>1.235.082.435.758</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Vay và nợ	1.868.336.293.771	96.117.648.538	-	1.964.453.942.309
Phải trả người bán, phải trả khác	928.782.223.253	321.009.444.791	-	1.249.791.668.044
Chi phí phải trả	139.491.139.606	-	-	139.491.139.606
	2.936.609.656.630	417.127.093.329	-	3.353.736.749.959
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	1.813.117.457.758	102.605.579.536	-	1.915.723.037.294
Phải trả người bán, phải trả khác	1.003.564.606.471	321.087.610.790	-	1.324.652.217.261
Chi phí phải trả	155.136.598.412	-	-	155.136.598.412
	2.971.818.662.641	423.693.190.326	-	3.395.511.852.967

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án đề chấn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng tuy nhiên đến ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án và đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Tại ngày 30/06/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

39 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY LICOGLI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	166.392.574.329	712.763.441.179	13.792.218.578	892.948.234.086	-	892.948.234.086
Chi phí bộ phận trực tiếp	158.036.029.754	669.943.664.990	8.125.890.696	836.105.585.440	-	836.105.585.440
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.356.544.575	42.819.776.189	5.666.327.882	56.842.648.646	-	56.842.648.646
Tổng chi phí mua TSCĐ	10.761.097.977	-	-	10.761.097.977	-	10.761.097.977
Tài sản bộ phận	670.519.444.585	2.872.254.057.172	55.579.107.288	3.598.352.609.045	-	3.598.352.609.045
Tài sản không phân bổ	-	-	-	811.440.643.688	-	811.440.643.688
Tổng tài sản	670.519.444.585	2.872.254.057.172	55.579.107.288	4.409.793.252.733	-	4.409.793.252.733
Nợ phải trả bộ phận	749.463.413.745	3.210.420.440.772	62.122.743.519	4.022.006.598.036	-	4.022.006.598.036
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	17.469.416.826	-	17.469.416.826
Tổng nợ phải trả	749.463.413.745	3.210.420.440.772	62.122.743.519	4.039.476.014.862	-	4.039.476.014.862

Theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ	-	1.649.366.364
Công ty CP Licogi 12 (*)	-	520.720.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	65.454.546
Công ty Cổ phần Licogi 14	-	1.063.191.818
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.272.727.272	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	2.272.727.272	5.500.000.000
Thu lãi vay	621.168.000	679.781.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	621.168.000	679.781.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	46.073.256.699	76.716.288.542
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long	39.848.274.249	72.944.151.595
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Long	1.500.000.000	3.414.116.947
Công ty Cổ phần Licogi 12 (*)	358.020.000	358.020.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.366.962.450	-
Số dư tại ngày kết thúc năm:		
Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	15.370.436.852	5.802.304.866
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	15.370.436.852	5.802.304.866
Ứng trước cho nhà cung cấp	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay	13.803.740.010	13.803.740.010
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh 8	13.803.740.010	13.803.740.010
Phải thu khác	4.337.712.912	4.579.718.912
Công ty Cổ phần Licogi 19	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	457	242.006.457
Phải trả người bán ngắn hạn	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty Cổ phần Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716
Vay ngắn hạn	127.840.000.000	117.340.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	127.840.000.000	117.340.000.000
Phải trả khác	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Lãi vay phải trả	9.592.275.335	3.701.579.446
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	9.592.275.335	3.701.579.446

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(*) Ông Dương Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 12. Ông Quang cũng đã nhận quyết định nghỉ hưu từ ngày 25/12/2018.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	360.000.000	112.988.979
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	937.500.000	515.942.493

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Hoàng Việt Tân
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	Thả nổi	99.964.116.005	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng máy móc thiết bị và số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - CTCP.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	8%/ năm	59.651.207.288	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng Công ty và các chi nhánh phụ thuộc.
	3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	9,5%/năm	7.561.348.500	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty.
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	299.650.720.794	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 2.717.573 cổ phiếu Công ty CP Licogi 13; 10.009.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và một số tài sản cố định khác.
	5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	8,5%/ năm	4.962.520.015	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	- Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300 - LCP - 201900526, số 1300 - LCP - 201900527, số 1300 - LCP - 201900528 và số 1300 - LCP - 201900529 ngày 23 tháng 04 năm 2019. - Hợp đồng thế chấp tài sản số 1300 - LCP - 201900524 ngày 23 tháng 04 năm 2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharvo).
	6	Tổng Công ty Sông Đà	20%/năm	16.815.763.516	Đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà	Được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.
	7	Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	9 - 10%/năm	121.840.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
	8	Vay huy động khác	9%/năm	61.646.288.797		Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty - Công ty mẹ hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng (Dự án KĐT M Thịnh Liệt)

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VNĐ)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (1)	9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	8%/năm	85.000.000.000	Thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty - Công ty mẹ	Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh.
	10	Ông Nguyễn Xuân Thắng	8,5%/năm	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty - Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9).
	11	Công ty Cổ phần AZURA	14%/năm	217.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu công ty CP Thủy điện Bắc Hà, 2.641.537 cổ phiếu công ty CP Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu công ty CP Licogi 13. Giá trị cổ phiếu là 610.282.747.060 đồng
	Tổng cộng			994.591.964.915		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	61.022.411.776	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở Thư tín dụng L/C	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lương Sơn	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	4.200.000.000	Vay vốn lưu động phục vụ xây dựng các công trình dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, buôn bán vật liệu xây dựng	Đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty với tổng giá trị 7.055.727.280 đồng.
	3	Vay huy động vốn cá nhân và các đối tượng khác	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	12.273.714.200	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			77.496.125.976		

Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	61.694.876.958	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	114.356.284.111	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho thi công dự án nhà máy thép Hòa Phát - Dung Quất, Quảng Ngãi theo Hợp đồng thi công lắp dựng số 221.2017.HPDQ - CKDA ngày 30/11/2017	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, nhà xưởng và quyền phải thu.
	3	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	61.765.854.469	Phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhôm, đúc cơ khí, kết cấu thép và giàn không gian	Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị thế chấp tối thiểu 19.000.000.000 đồng và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.
	4	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	60.226.108.455	Bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại	Hợp đồng cầm cố tiền gửi cho giá trị là 10% tiện ích, thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị là 42.750.000.000 đồng và quyền phải thu với giá trị là 47.250.000.000 đồng.
	Tổng cộng			298.043.123.993		

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	29.769.714.510	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán phục vụ cho SX kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	49.980.400.369	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết và tài sản vẫn phòng công trình hình thành từ dự án được xây dựng trên các khu đất
	3	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Phú Nhuận	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	121.573.500	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là tiền ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá; trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc; hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng khác; bất động sản, phương tiện vận tải; giá trị sản lượng dở dang và quyền đòi nợ hình thành từ phương án.
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	Tổng cộng			79.871.688.379		
	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ngãi	Xác định theo từng Hợp đồng cụ thể	27.780.796.132	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bởi các Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác khoáng sản và tài sản hình thành trong tương lai.
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	2	Vay huy động vốn cá nhân	11%/năm	600.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			28.380.796.132		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	26.043.062.759	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	8,5%/năm	24.441.093.668	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
Tổng cộng				50.484.156.427		

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương	Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ	24.740.500.713	Bổ sung vốn lưu động	Các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tài sản khác thuộc bên thứ ba.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	1,16%/năm	13.593.533.899	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			38.334.034.612		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	1	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	10%/ năm	6.000.000.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MIK HOME	10%/ năm	40.092.357.966	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua 11 căn hộ chung cư tại Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng làm việc và nhà ở thấp tầng tại Thịnh Liệt.	Không có tài sản đảm bảo.
	3	Vay huy động vốn cá nhân	10 - 12%/ năm	2.114.147.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			48.206.504.966		

Phụ lục 01: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	20.702.759.000	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	15.145.202.821	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	Tổng cộng			35.847.961.821		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	8,5%/năm	15.166.295.510	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo từng Hợp đồng thế chấp cụ thể với Ngân hàng.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Quy định tại từng văn bản nhận Nợ	32.755.199.697	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng.
	Tổng cộng			47.921.495.207		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Thả nổi có điều chỉnh	4.900.956.630	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	9% - 9,5%/năm	1.739.209.492	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
	3	Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	15%/360 ngày	3.550.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Giá trị đã thi công tại Công trình Dự án Thủy điện Nậm Phàng B chưa được nghiệm thu thanh toán tương ứng với giá trị vay cùng tiền lãi khi đến hạn thanh toán.
	Tổng cộng			10.190.166.122		

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty LicoGI-CTCP (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	7.457.260.000	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	21.935.842.316	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.
	3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Thả nổi	125.945.089.674	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.
	Tổng cộng			155.338.191.990		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Huyện Lương Sơn	Thả nổi	81.951.558	Mua xe đầu kéo HOWO và Sơ mi rơ mooc 13m	Được đảm bảo theo hợp đồng số 10/2015.
	2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hòa Bình	Thả nổi	83.333.806	Tài trợ tiền thanh toán mua 1 xe nâng đầu theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/0317/HĐMB ngày 01/03/2017	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LicoGI (3)	2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	12.847.312.042	Thanh toán các chi phí Đầu tư hợp pháp các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được của Dự án Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy Nhóm Đông Anh - Giai đoạn 1	Đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo hợp lý đầu tư hợp pháp các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được của Dự án Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy Nhóm Đông Anh - Giai đoạn 1
	3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	3.366.000.000	Đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị gia công chế tạo giàn không gian năm 2015	Bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn tự có của Công ty và từ vốn vay Ngân hàng.
	Tổng cộng			20.972.714.710		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	10,60%	4.985.000.000	Thanh toán tiền mua 4 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m3; Hợp đồng mua dự án số 250m3/h và trạm trộn đá 1010/SV/HĐMB/2017 ngày 23/10/2017; Đầu tư dự án nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m3/h và trạm trộn đá dăm cấp phối 100m3/h.	Được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của 04 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m3; Hợp đồng mua dự án "Nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m3/h và trạm trộn đá dăm cấp phối 1010/SV/HĐMB/2017 ngày 23/10/2017; Các hợp đồng đảm bảo khác được dự án nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m3/h và trạm trộn đá dăm cấp phối 100m3/h.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	7,60%	1.595.200.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercedes-Benz E300 AMG mới 100% theo Hợp đồng bán hàng số 534/2017/HĐBH ngày 11/10/2017	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị tài sản tạm tính 2.580.000.000 đồng.
	Tổng cộng			6.580.200.000		
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	Thả nổi	5.568.593.288	Tài trợ dự án đầu tư hệ thống dân giáo, đã đỡ và vốn tự có của dự án hệ thống dân giáo, đã đỡ phục vụ thi công và khai phục vụ thi công và quyền khai thác, khoáng thác mỏ núi đá Cà Ty, xã Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
	Tổng cộng			5.568.593.288		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng	Quy định tại từng văn bản nhận Nợ	17.581.502.123	Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất, mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động xây lắp	Bảo đảm bằng các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
	Tổng cộng			17.581.502.123		

Đơn vị tính: đồng

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2019 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Ninh	Thả nổi	7.014.237.000	Đầu tư xây dựng chung cư đời T5	Quyền sử dụng đất và tài sản là nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà chung cư đời T5
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Theo lãi suất TG có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hạ Long	24.041.192.100	Triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt	Quyền mua căn hộ tại dự án.
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (8)	Tổng cộng			31.055.429.100		
	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Tây Hà Nội	9,5%/năm	13.500.000.000	Đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;	Bao đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng theo lãi suất của Ngân hàng BIDV	1.507.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
Tổng cộng		Tổng cộng		15.007.000.000		
				255.085.923.759		